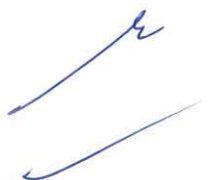


TTYT CHÂU PHÚ KHOA DƯỢC-TTB-VTYT	QUY TRÌNH	Mã hiệu: GSP- 31
	Quy trình Đấu thầu thuốc, hóa chất, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, vắc-xin, trang thiết bị y tế.	Lần ban hành: 04
		Ngày ban hành: 10/08/2025

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Người viết	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Họ tên	Ds CKI Hồ Thị Mỹ Hạnh	Bs CKII Nguyễn Đăng Khoa	Bs CKII Nguyễn Hoàng Huy
Chữ ký			 
Chức vụ	Trưởng Khoa Dược	Phó Giám Đốc TTYT	Giám Đốc TTYT

TTYT CHÂU PHÚ KHOA DƯỢC-TTB-VTYT	QUY TRÌNH	Mã hiệu: GSP- 31
	Quy trình Đấu thầu thuốc, hóa chất, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, vắc-xin, trang thiết bị y tế.	Lần ban hành: 04
		Ngày ban hành: 10/08/2025

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
Quy trình mua sắm	Từ trang 5	Thực hiện theo Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 4/8/2025 của Chính phủ và Thông tư số 79/2025/TT-BKHĐT, ngày 04/08/2025	04	10/08/2025
Bổ sung hình thức mua sắm	Từ trang 20	Chào giá trực tuyến rút gọn	04	10/08/2025

1. MỤC ĐÍCH

Hướng dẫn nội dung, trình tự thực hiện công tác đấu thầu mua sắm trong Trung tâm Y tế theo qui định pháp luật hiện hành.

Đảm bảo tính Cạnh tranh, Công bằng, Minh bạch, Hiệu quả kinh tế, Trách nhiệm giải trình.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Tất cả các loại hàng hoá của Thiết bị Y tế và Thuốc (nguồn thanh toán quỹ BHYT và thu phí thuộc Nhà thuốc) và Vắc xin tiêm ngừa dịch vụ.

Hình thức lựa chọn nhà Thầu gồm: Đấu thầu rộng rãi, Mua sắm trực tiếp, Chỉ định thầu rút gọn, Chào giá Trực tuyến thông thường và Chào giá Trực tuyến theo quy trình rút gọn.

3. TÀI LIỆU:

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý trang thiết bị y tế (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023);

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 4/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về LCNT (có HL 4/8/2025);

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BKHĐT, ngày 04/08/2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu QG (có HL ngày 04/08/2025, Thay thế TT 22/2024/TT-BKHĐT);

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Quy định chi tiết mẫu HSYC, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình thực hiện hoạt động ĐT (có HL ngày 1/3/2025, thay thế 07/2024/TT-BKHĐT, ngày 26/4/2024);

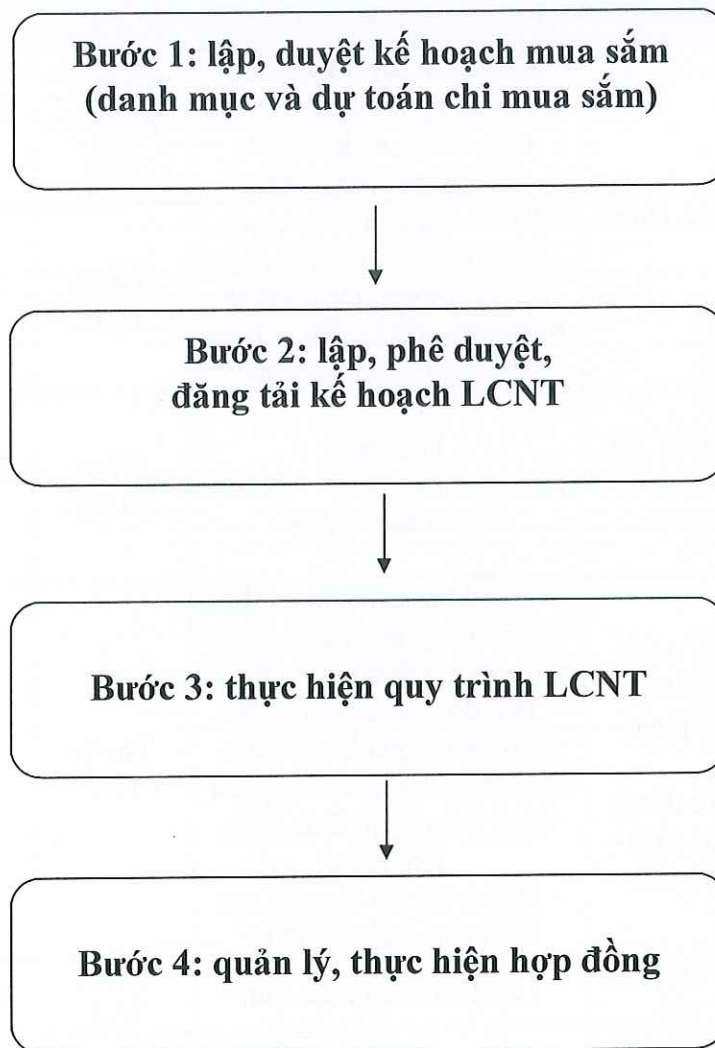
Căn cứ Thông tư 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ Y tế về Quy định về đấu thầu thuốc tại CSYTCL.

4. THUẬT NGỮ, CHỮ VIẾT TẮT:

- LCNT: Lựa chọn nhà thầu
- BM: biểu mẫu
- KHLCNT: kế hoạch Lựa chọn nhà thầu
- KQLCNT: kết quả Lựa chọn nhà thầu

5. NỘI DUNG

QUY TRÌNH MUA SẮM TỔNG QUÁT



BƯỚC 1: LẬP, DUYỆT KẾ HOẠCH MUA SẮM

TT	Chủ thể thực hiện	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện/biểu mẫu	Lưu trữ
* Đối với nhu cầu mua sắm hàng năm:					
1	Khoa Dược	Khảo sát, lấy ý kiến các khoa/phòng sử dụng về: yêu cầu, thông số kỹ thuật; chủng loại (nếu cần).	Tháng 12 (trước 10 tây)	Bảng dự trù (BM 1)	lưu trữ Khoa/phòng quản lý, sử dụng, Khoa Dược
		Căn cứ nhu cầu, tiêu chuẩn, định mức (nếu có), thông tin thị trường, Quyết định trúng thầu để lập Bảng tổng hợp nhu cầu mua sắm.	Trước 31/12	Danh mục (BM 2)	
	Phòng Tài chính - Kế toán	Phối hợp Lập kế hoạch thu - chi (dự toán thu - chi)	Trước 31/12	Dự toán thu - chi (BM 3)	Quy chế mua sắm lưu trữ Phòng TC-KT
	Hội đồng Khoa học – kỹ thuật Hội đồng mua sắm - đấu thầu	- Hội đồng Khoa học – kỹ thuật thông qua danh mục, số lượng; tính năng kỹ thuật - Hội đồng mua sắm - đấu thầu thông qua Danh mục, tính năng, kỹ thuật và phân công công việc thực hiện Gói thầu - Thành lập Tổ chuyên gia; Tổ thẩm định – GD ký	Trước 15/1	Biên bản họp	lưu trữ Hội đồng...
	Tổ chuyên gia	Lập kế hoạch mua sắm	Trước 15/1	Kế hoạch ...	Tổ chuyên gia
	Tổ chuyên gia	Quyết định mua sắm	Trước 15/1	Quyết định	Tổ chuyên gia
* Đối với nhu cầu mua sắm phát sinh đột xuất:					
2	Khoa/phòng quản lý, sử dụng	Lập Phiếu báo hỏng và đề nghị sửa chữa (trong trường hợp tài sản hư hỏng đột xuất).	Trong vòng 12 giờ phát sinh	Phiếu báo hỏng/bảng đề nghị (BM 4)	lưu trữ Khoa/phòng quản lý, sử dụng, Khoa Dược
	Khoa Dược	Kiểm tra tình trạng hư hỏng.	Trong vòng 12 giờ báo hỏng	Biên bản kiểm tra (BM 5)	lưu trữ Khoa/phòng quản lý, sử dụng, Khoa Dược

TT	Chủ thể thực hiện	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện/biểu mẫu	Lưu trữ
* Đối với nhu cầu mua sắm phát sinh ngoài kế hoạch mua sắm hàng năm:					
3	Khoa/phòng quản lý, sử dụng	Lập Phiếu đề xuất nhu cầu mua sắm.	Khi phát sinh	Bảng dự trù (BM 1)	lưu trữ Khoa/phòng quản lý, sử dụng, Khoa Dược
	Khoa Dược	Rà soát, tổng hợp, đối chiếu nhu cầu với tiêu chuẩn, định mức (nếu có).	Khi phát sinh	Bảng đề nghị	lưu trữ Khoa/phòng quản lý, sử dụng, Khoa Dược
	Hội đồng Khoa học – kỹ thuật Hội đồng mua sắm - đấu thầu	- Hội đồng Khoa học – kỹ thuật thông qua danh mục, số lượng; tính năng kỹ thuật - Hội đồng mua sắm - đấu thầu thông qua Danh mục, tính năng, kỹ thuật và phân công công việc thực hiện Gói thầu - Thành lập Tổ chuyên gia; Tổ thẩm định – Giám đốc ký	Ngay sau khi rà soát	Biên bản họp	lưu trữ Hội đồng...
4	Tổ chuyên gia	Lập kế hoạch mua sắm (bổ sung)	Ngay sau Hội đồng	Kế hoạch ...	Tổ chuyên gia
5	Tổ chuyên gia	Quyết định mua sắm (bổ sung)	Ngay sau Hội đồng	Quyết định	Tổ chuyên gia
* Đối với mua sắm Tập trung cấp địa phương và mua sắm Tập trung cấp Quốc gia:					
1	Khoa Dược	Gửi Danh mục khung cho các Khoa/phòng Sau khi nhận được Công văn yêu cầu Đăng ký mua sắm tập trung từ cấp trên	Thời gian tối đa 3 ngày	Danh mục	lưu trữ Khoa/phòng quản lý, sử dụng, Khoa Dược
2	Khoa/phòng	Điền số lượng vào Danh mục khung và Gửi lại Khoa Dược (file và bản giấy)	Thời gian tối đa 5 ngày	Danh mục	lưu trữ Khoa/phòng quản lý, sử dụng, Khoa Dược

TT	Chủ thể thực hiện	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện/biểu mẫu	Lưu trữ
3	Khoa Dược	Tổng Hợp Danh mục khung từ các Khoa/phòng	Thời gian đối đa 3 ngày	Danh mục	lưu trữ Khoa/phòng quản lý, sử dụng, Khoa Dược
4	Hội đồng Khoa học – kỹ thuật	Hội đồng Khoa học – kỹ thuật thông qua danh mục, số lượng; tính năng kỹ thuật mở rộng (nếu có)	Ngay sau khi Tổng hợp DM khung	Biên bản họp	lưu trữ Hội đồng...
5	Phòng Tài chính - Kế toán	Phối hợp Lập kế hoạch thu - chi (dự toán thu – chi)	Ngay sau khi họp	Dự toán thu – chi (BM 3)	Quy chế mua sắm lưu trữ Phòng TC-KT
6	Khoa Dược	Gửi Công văn Đăng ký nhu cầu mua sắm và Dự toán thu -chi	Ngay sau khi họp		lưu trữ Khoa Dược, Kế toán và các Khoa/phòng

*** Căn cứ xác định giá gói thầu**

Giá gói thầu được lập căn cứ theo một trong các thông tin sau: áp dụng khoản c,d của Điều 18, NĐ 214:

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu đối với hàng hóa, dịch vụ tương tự trong thời gian tối đa 12 tháng trước ngày trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trong đó có thể điều chỉnh kết quả này theo các thay đổi về khối lượng mua sắm hoặc giá thị trường của hàng hóa hay dịch vụ cần mua sắm để xây dựng giá gói thầu. Giá thị trường tại thời điểm mua sắm có thể được xác định thông qua tham vấn thị trường quy định tại điểm b khoản 3 Điều 17 của Nghị định này. Trường hợp trong thời gian 12 tháng trước ngày trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu mà không có kết quả lựa chọn nhà thầu của hàng hóa, dịch vụ tương tự thì có thể xác định trên cơ sở kết quả lựa chọn nhà thầu của hàng hóa, dịch vụ tương tự của các năm trước đó, trong đó có thể điều chỉnh kết quả này theo các thay đổi về khối lượng mua sắm, giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ cần mua sắm. Hồ sơ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu

đính kèm danh sách kết quả lựa chọn các hàng hóa, dịch vụ tương tự trích xuất từ Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (nếu có);

d) Tối thiểu 01 báo giá của hàng hóa, dịch vụ; khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá; trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì được lấy giá trung bình của các báo giá.

Đối với gói thầu mua thuốc; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho thiết bị y tế: trên cơ sở yêu cầu chuyên môn, chủ đầu tư quyết định các tiêu chí kỹ thuật và tổ chức lấy báo giá. Chủ đầu tư phải đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; khuyến khích đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của chủ đầu tư hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến về quản lý thiết bị y tế; nhà thầu quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp có từ 02 báo giá trở lên, chủ đầu tư được lựa chọn báo giá cao nhất phù hợp với khả năng tài chính và yêu cầu chuyên môn.

Đối với hàng hóa, dịch vụ khác, chủ đầu tư được đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc tổ chức lấy báo giá theo cách thức khác; nhà thầu quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 05 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thu thập báo giá bảo đảm công khai, minh bạch. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá

BƯỚC 2: LẬP, PHÊ DUYỆT, ĐĂNG TẢI KẾ HOẠCH LCNT

TT	Chủ thể thực hiện	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện/biểu mẫu	Cơ sở pháp lý/lưu trữ
1	Tổ chuyên gia	Lập dự toán chi tiết và kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Tối đa 03 ngày		Tổ chuyên gia
2	Chủ Đầu tư	Phê duyệt Kế hoạch và dự toán mua sắm	Tối đa 03 ngày		Tổ chuyên gia
3	Tổ chuyên gia	Lập Tờ trình KHLCNT	Tối đa 05 ngày	Mẫu 02A – TT79; PL II TT 07/2024/BYT)	Tổ chuyên gia
5	Chủ Đầu tư	Phê duyệt KHLCNT	Tối đa 03 ngày	Mẫu 02B – TT79	Tổ chuyên gia
6	Tổ chuyên gia	Đăng tải KHLCNT	Tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt QĐ	Công khai trên hệ thống đấu thầu quốc gia	Tổ chuyên gia

BƯỚC 3: QUY TRÌNH LCNT

I. Quy trình Đấu thầu rộng rãi:

A. Phương thức 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ

TT	Chủ thể thực hiện	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện/biểu mẫu	Cơ sở pháp lý/lưu trữ
1.	Chủ Đầu tư	Tạo tài khoản nghiệp vụ Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Phân công công việc chuyên gia, tổ thẩm định	Tối đa 03 ngày	Thực hiện trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia sau khi đăng tải KHLCNT	Tổ chuyên gia
2.	Tổ chuyên gia	Lập dự thảo E-HSMT (Hồ sơ mời thầu điện tử).	Tối đa 05 ngày	Bản dự thảo E-HSMT (mẫu 4A, 11A TT79..)	Tổ chuyên gia
3.	Tổ chuyên gia	Lập Tờ trình đề nghị phê duyệt E-HSMT (Trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).	Tối đa 03 ngày	Mẫu PL 1A TT79	Tổ chuyên gia
4.	Tổ thẩm định	Thẩm định E-HSMT, Phê duyệt Báo cáo thẩm định E-HSMT	Tối đa 05 ngày	Báo cáo webfrom trên hệ thống	Tổ thẩm định; Tổ chuyên gia
5.	Chủ Đầu tư	Phê duyệt E-HSMT (trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).	Tối đa 03 ngày	PL 1B TT79	Tổ chuyên gia
6.	Tổ chuyên gia	Đăng tải TBMT (Thông báo mời thầu) và phát hành hồ sơ.			Tổ chuyên gia

7.	Nhà thầu quan tâm	HSDT	Thời gian chuẩn bị HSDT đối với ĐTRR tối thiểu là 18 ngày đối với đấu thầu trong nước kể từ ngày đầu tiên HSMT được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu; gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu ≤ 10 tỷ đồng thì thời gian chuẩn bị HSDT tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước; gói thầu tư vấn đơn giản/gói thầu tư vấn có giá trị ≤ 500 triệu đồng/gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện	Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia
----	----------------------	------	--	--

8.	Tổ chuyên gia	Sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có)	Tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu		Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia
9.	Tổ chuyên gia	Đóng thầu, mở thầu	Tối đa 02 giờ từ thời điểm đóng thầu		Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia
10.	Tổ chuyên gia	Đánh giá E-HSDT và xếp hạng nhà thầu Cam kết Tổ chuyên gia	Tối đa 10 ngày	Báo cáo 14A,14B, TT79 Cam kết PL 6, TT79	Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia Tổ chuyên gia
11.	Tổ chuyên gia	Yêu cầu NT làm rõ (nếu có) Yêu cầu NT đối chiếu tài liệu	Không ít hơn 3 ngày làm việc	webfrom trên hệ thống	Tổ chuyên gia Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia
12.	Tổ chuyên gia	Trình KQ LCNT	Tối đa 03 ngày		Tổ chuyên gia Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia
13.	Tổ thẩm định	Thẩm định Kết quả LCNT, lập báo cáo	Tối đa 05 ngày	Báo cáo	Tổ thẩm định; Tổ chuyên gia
14.	Chủ Đầu tư	Phê duyệt Kết quả LCNT	Tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt QĐ	webfrom trên hệ thống	Tổ chuyên gia
15.	Tổ chuyên gia	Công khai Kết quả LCNT	Ngay sau khi Phê duyệt Kết quả LCNT	webfrom trên hệ thống	Tổ chuyên gia
16.	Tổ chuyên gia	Tạo thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Ngay sau khi Phê duyệt Kết quả LCNT	webfrom trên hệ thống	Tổ chuyên gia

17.	Phòng Tài chính - Kế toán	Soạn thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng	Tối đa 07 ngày	webfrom trên hệ thống	Phòng Tài chính - Kế toán
18.	Chủ Đầu tư	Ký hợp đồng, Đăng tải	Tối đa 03 ngày	webfrom trên hệ thống	Phòng Tài chính - Kế toán
19.	Phòng Tài chính - Kế toán	Quản lý Hợp đồng		webfrom trên hệ thống	Phòng Tài chính - Kế toán

I. Quy trình Đấu thầu rộng rãi:

B. Phương thức 1 giai đoạn 2 túi hồ sơ

TT	Chủ thể thực hiện	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện/biểu mẫu	Cơ sở pháp lý/lưu trữ
1.	Chủ Đầu tư	Tạo tài khoản nghiệp vụ Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Phân công công việc chuyên gia, tổ thẩm định	Tối đa 03 ngày	Thực hiện trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia sau khi đăng tải KHLCNT	Tổ chuyên gia
2.	Tổ chuyên gia	Lập dự thảo E-HSMT (Hồ sơ mời thầu điện tử).	Tối đa 05 ngày	Bản dự thảo E-HSMT (mẫu 4B, 11B TT79..)	Tổ chuyên gia
3.	Tổ chuyên gia	Lập Tờ trình đề nghị phê duyệt E-HSMT (Trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).	Tối đa 03 ngày	Mẫu PL 1A TT79	Tổ chuyên gia
4.	Tổ thẩm định	Thẩm định E-HSMT, Phê duyệt Báo cáo thẩm định E-HSMT	Tối đa 05 ngày	Báo cáo webfrom trên hệ thống	Tổ thẩm định; Tổ chuyên gia
5.	Chủ Đầu tư	Phê duyệt E-HSMT (trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).	Tối đa 03 ngày	PL 1B TT79	Tổ chuyên gia
6.	Tổ chuyên gia	Đăng tải TBMT (Thông báo mời thầu) và phát hành hồ sơ.			Tổ chuyên gia

			Thời gian chuẩn bị HSDT đối với ĐTRR tối thiểu là 18 ngày đối với đấu thầu trong nước kể từ ngày đầu tiên HSMT được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu; gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu ≤ 10 tỷ đồng thì thời gian chuẩn bị HSDT tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước; gói thầu tư vấn đơn giản/gói thầu tư vấn có giá trị ≤ 500 triệu đồng/gói thầu tư vấn cấp bách cần		Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia
7.	Nhà thầu quan tâm	HSDT			

8.	Tổ chuyên gia	Sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có)	Tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu		Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia
9.	Tổ chuyên gia	Đóng thầu, mở thầu hồ sơ đề xuất về kỹ thuật	Tối đa 02 giờ từ thời điểm đóng thầu		Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia
10.	Tổ chuyên gia	Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và Phê duyệt Danh sách đáp ứng về Kỹ thuật	Tối đa 10 ngày	Báo cáo 14A, 14B, 14C, TT79	Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia Tổ chuyên gia
11.	Tổ chuyên gia	Yêu cầu NT làm rõ (nếu có)	Không ít hơn 3 ngày làm việc	webfrom trên hệ thống	Tổ chuyên gia Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia
12.	Tổ chuyên gia	Mở hồ sơ tài chính	Ngay sau khi Phê duyệt Danh sách đáp ứng về Kỹ thuật	webfrom trên hệ thống	Tổ chuyên gia Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia
13.	Tổ chuyên gia	Đánh giá hồ sơ đề xuất về chính và xếp hạng Nhà thầu Cam kết Tổ chuyên gia	Tối đa 10 ngày	Báo cáo 14A, 14B, TT79 Cam kết PL 6, TT79	Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia Tổ chuyên gia
14.	Tổ chuyên gia	Yêu cầu NT làm rõ (nếu có) Yêu cầu NT đối chiếu tài liệu	Không ít hơn 3 ngày làm việc	webfrom trên hệ thống	Tổ chuyên gia Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia
15.	Tổ chuyên gia	Trình KQ LCNT	Tối đa 03 ngày		Tổ thẩm định; Tổ chuyên gia
16.	Tổ thẩm định	Thẩm định Kết quả LCNT, lập báo cáo	Tối đa 05 ngày	Báo cáo	Tổ thẩm định; Tổ chuyên gia

17.	Chủ Đầu tư	Phê duyệt Kết quả LCNT	Tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt QĐ	webfrom trên hệ thống	Tổ chuyên gia
18.	Tổ chuyên gia	Công khai Kết quả LCNT	Ngay sau khi Phê duyệt Kết quả LCNT	webfrom trên hệ thống	Tổ chuyên gia
19.	Tổ chuyên gia	Tạo thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Ngay sau khi Phê duyệt Kết quả LCNT	webfrom trên hệ thống	Tổ chuyên gia
20.	Phòng Tài chính - Kế toán	Soạn thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng	Tối đa 07 ngày	webfrom trên hệ thống	Phòng Tài chính - Kế toán
21.	Chủ Đầu tư	Ký hợp đồng, Đăng tải	Tối đa 03 ngày	webfrom trên hệ thống	Phòng Tài chính - Kế toán
22.	Phòng Tài chính - Kế toán	Quản lý Hợp đồng		webfrom trên hệ thống	Phòng Tài chính - Kế toán

II. Quy trình Mua sắm trực tiếp

TT	Chủ thể thực hiện	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện/biểu mẫu	Cơ sở pháp lý/lưu trữ
1	Chủ Đầu tư	Tạo tài khoản nghiệp vụ Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Phân công công việc chuyên gia, tổ thẩm định	Tối đa 03 ngày	Thực hiện trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia sau khi đăng tải KHLCNT	Tổ chuyên gia
2	Tổ chuyên gia	Vận dụng mẫu 01B - TT 23/2024/TT - BKHĐT lập HSYT; (HSYC bao gồm các nội dung thông tin tóm tắt về DTMS, gói thầu; yêu cầu nhà thầu cập nhật thông tin về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm; yêu cầu về tiến độ cung cấp và cam kết cung cấp hàng hóa bảo đảm quy cách kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của HSMT trước đó; yêu cầu về đơn giá của hàng hóa và các nội dung cần thiết khác.)	Tối đa 05 ngày	Mẫu 1B TT23	Tổ chuyên gia
3	Tổ chuyên gia	Lập Tờ trình đề nghị phê duyệt HSYC	Tối đa 03 ngày		Tổ chuyên gia
4	Chủ Đầu tư	Phê duyệt HSYC	Tối đa 03 ngày		Tổ chuyên gia
6	Tổ chuyên gia	Đăng tải TBMT (Thông báo mời thầu) và phát hành hồ sơ.			Tổ chuyên gia
7	Nhà thầu quan tâm	Lập HSDX Gửi HSDX	Thời gian chuẩn bị thiểu là 09 ngày		
8	Tổ chuyên gia	Tiếp nhận HSDX			Tổ chuyên gia
9	Tổ chuyên gia	Đóng thầu, mở thầu	Tối đa 01 giờ từ thời điểm đóng thầu		Tổ chuyên gia

10	Tổ chuyên gia	Đánh giá HSĐX	Tối đa 10 ngày	Báo cáo 14A, 14B, TT79	Tổ chuyên gia
11	Tổ chuyên gia	Yêu cầu NT làm rõ (nếu có) Yêu cầu NT đối chiếu tài liệu	Không ít hơn 3 ngày làm việc		Tổ chuyên gia
12	Tổ chuyên gia	Trình KQ LCNT	Tối đa 03 ngày		Tổ chuyên gia
13	Tổ thẩm định	Thẩm định Kết quả LCNT, lập báo cáo	Tối đa 05 ngày	Báo cáo	Tổ thẩm định; Tổ chuyên gia
14	Chủ Đầu tư	Phê duyệt Kết quả LCNT	Tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt QĐ		Tổ chuyên gia
15	Tổ chuyên gia	Công khai Kết quả LCNT	Ngay sau khi Phê duyệt Kết quả LCNT		Tổ chuyên gia
16	Tổ chuyên gia	Tạo thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng	Ngay sau khi Phê duyệt Kết quả LCNT		Tổ chuyên gia
17	Phòng Tài chính - Kế toán	Soạn thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng	Tối đa 07 ngày	Văn bản	Phòng Tài chính - Kế toán
18	Chủ Đầu tư	Ký hợp đồng, Đăng tải	Tối đa 03 ngày	webfrom trên hệ thống	Phòng Tài chính - Kế toán
	Phòng Tài chính - Kế toán	Quản lý Hợp đồng		webfrom trên hệ thống	Phòng Tài chính - Kế toán

III. Quy trình Chỉ định thầu rút gọn

TT	Chủ thể thực hiện	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện/biểu mẫu	Cơ sở pháp lý/lưu trữ
1.	Chủ Đầu tư	Tạo Tổ chuyên gia, Tổ thẩm	Tối đa 03 ngày		Tổ chuyên gia
2.	Tổ chuyên gia	Lập dự toán chi tiết và kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Tối đa 03 ngày		Tổ chuyên gia
3.	Chủ Đầu tư	Phê duyệt Kế hoạch và dự toán mua sắm	Tối đa 03 ngày		Tổ chuyên gia
4.	Tổ chuyên gia	Lập Tờ trình KHLCNT	Tối đa 05 ngày	Mẫu 02A – TT79; PL II TT 07/2024/BYT)	Tổ chuyên gia
5.	Chủ Đầu tư	Phê duyệt KHLCNT	Tối đa 03 ngày	Mẫu 02B – TT79	Tổ chuyên gia
6.	Tổ chuyên gia	Đăng tải KHLCNT	Tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt QĐ	Công khai trên hệ thống đấu thầu quốc gia	Tổ chuyên gia
7.	Tổ chuyên gia	Trình KQ LCNT	Tối đa 03 ngày		Tổ chuyên gia
8.	Tổ thẩm định	Thẩm định Kết quả LCNT, lập báo cáo	Tối đa 03 ngày	Báo cáo	Tổ thẩm định; Tổ chuyên gia
9.	Chủ Đầu tư	Phê duyệt Kết quả LCNT Công khai Kết quả LCNT	Tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt QĐ	Công khai trên hệ thống đấu thầu quốc gia	Tổ chuyên gia
10.	Phòng Tài chính - Kế toán	Soạn thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng	Tối đa 07 ngày	Văn bản	Phòng Tài chính - Kế toán
11.	Chủ Đầu tư	Ký hợp đồng, Đăng tải,	Tối đa 03 ngày	webfrom trên hệ thống	Phòng Tài chính - Kế toán
12.	Phòng Tài chính - Kế toán	Quản lý Hợp đồng		webfrom trên hệ thống	Phòng Tài chính - Kế toán

IV. Quy trình Chào giá Trực tuyến thông thường

TT	Chủ thể thực hiện	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện/biểu mẫu	Cơ sở pháp lý/lưu trữ
1	Chủ Đầu tư	Tạo tài khoản nghiệp vụ Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Phân công công việc chuyên gia, tổ thẩm định	Tối đa 03 ngày	Thực hiện trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia sau khi đăng tải KHLCNT	Tổ chuyên gia
2	Tổ chuyên gia	Lập dự thảo E-HSMT (Hồ sơ mời thầu điện tử).	Tối đa 03 ngày	Bản dự thảo E-HSMT 12C-TT79	Tổ chuyên gia
3	Tổ chuyên gia	Lập Tờ trình đề nghị phê duyệt E-HSMT (Trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).	Tối đa 03 ngày	Mẫu PL 1A TT79	Tổ chuyên gia
4	Tổ thẩm định	Thẩm định E-HSMT, Phê duyệt Báo cáo thẩm định E-HSMT	Tối đa 05 ngày	Báo cáo webfrom trên hệ thống	Tổ thẩm định; Tổ chuyên gia
5	Chủ Đầu tư	Phê duyệt E-HSMT (trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).	Tối đa 03 ngày	PL 1B TT79	Tổ chuyên gia
6	Tổ chuyên gia	Đăng tải TBMT (Thông báo mời thầu) và phát hành hồ sơ.	Tối thiểu 05 ngày làm việc		Tổ chuyên gia
	Tổ chuyên gia	Sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có)	Tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu		Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia
	Tổ chuyên gia	Đóng thầu, mở thầu	Tối đa 02 giờ từ thời điểm đóng thầu		Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia
7	Tổ chuyên gia	Đánh giá E-HSDT và xếp hạng nhà thầu Cam kết Tổ chuyên gia	Tối đa 10 ngày	Báo cáo 14A,14B, TT79 Cam kết PL 6, TT79	Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia Tổ chuyên gia

10	Tổ chuyên gia	Mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất tham gia thương thảo, hoàn thiện HSDT	Tối đa 03 ngày		Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia Tổ chuyên gia
13	Tổ thẩm định	Thẩm định Kết quả LCNT, lập báo cáo	Tối đa 05 ngày	Báo cáo	Tổ thẩm định; Tổ chuyên gia
14	Chủ Đầu tư	Phê duyệt Kết quả LCNT	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt QĐ	webfrom trên hệ thống	Tổ chuyên gia
15	Tổ chuyên gia	Công khai Kết quả LCNT	Ngay sau khi Phê duyệt Kết quả LCNT	webfrom trên hệ thống	Tổ chuyên gia
16	Tổ chuyên gia	Tạo thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Ngay sau khi Phê duyệt Kết quả LCNT	webfrom trên hệ thống	Tổ chuyên gia
17	Phòng Tài chính - Kế toán	Soạn thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng	Tối đa 07 ngày	webfrom trên hệ thống	Phòng Tài chính - Kế toán
18	Chủ Đầu tư	Ký hợp đồng, Đăng tải,	Tối đa 03 ngày	webfrom trên hệ thống	Phòng Tài chính - Kế toán
19	Phòng Tài chính - Kế toán	Quản lý Hợp đồng		webfrom trên hệ thống	Phòng Tài chính - Kế toán

IV. Quy trình Chào giá Trực tuyến theo quy trình rút gọn

TT	Chủ thể thực hiện	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện/biểu mẫu	Cơ sở pháp lý/lưu trữ
1.	Chủ Đầu tư	Tạo tài khoản nghiệp vụ Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Phân công công việc chuyên gia, tổ thẩm định	Tối đa 03 ngày	Thực hiện trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia sau khi đăng tải KHLCNT	Tổ chuyên gia
2.	Tổ chuyên gia	Lập dự thảo E-HSMT (Hồ sơ mời thầu điện tử).	Tối đa 03 ngày	Bản dự thảo E-HSMT 12C-TT79	Tổ chuyên gia
3.	Tổ chuyên gia	Lập Tờ trình đề nghị phê duyệt E-HSMT (Trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).	Tối đa 03 ngày	Mẫu PL 1A TT79	Tổ chuyên gia
4.	Chủ Đầu tư	Phê duyệt E-HSMT (trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).	Tối đa 03 ngày	PL 1B TT79	Tổ chuyên gia
5.	Tổ chuyên gia	Đăng tải TBMT (Thông báo mời thầu) và phát hành hồ sơ.	Ngay sau khi Phê duyệt E-HSMT		Tổ chuyên gia
6.	Nhà thầu tham gia chào giá	Chào giá Nộp E-HSDT	Chuẩn bị HSDT tối thiểu 3 ngày làm việc, Thời gian Chào giá tối thiểu 24h		Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia
7.	Tổ chuyên gia	Ghi nhận kết quả Chào giá trực tuyến			Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia
8.	Tổ chuyên gia	Mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất tham gia thương thảo, hoàn thiện HSDT	Tối đa 03 ngày		Lưu trên mạng đấu thầu quốc gia Tổ chuyên gia

9.	Chủ Đầu tư	Phê duyệt Kết quả LCNT	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt QĐ	webfrom trên hệ thống	Tổ chuyên gia
10.	Tổ chuyên gia	Công khai Kết quả LCNT	Ngay sau khi Phê duyệt Kết quả LCNT	webfrom trên hệ thống	Tổ chuyên gia
11.	Tổ chuyên gia	Tạo thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Ngay sau khi Phê duyệt Kết quả LCNT	webfrom trên hệ thống	Tổ chuyên gia
12.	Phòng Tài chính - Kế toán	Soạn thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng	Tối đa 07 ngày	webfrom trên hệ thống	Phòng Tài chính - Kế toán
13.	Chủ Đầu tư	Ký hợp đồng, Đăng tải,	Tối đa 03 ngày	webfrom trên hệ thống	Phòng Tài chính - Kế toán
14.	Phòng Tài chính - Kế toán	Quản lý Hợp đồng		webfrom trên hệ thống	Phòng Tài chính - Kế toán

Mẫu số 02A. Mẫu tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu

[ĐƠN VỊ TRÌNH¹]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH²

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

dự án, dự toán mua sắm: _____ [tên dự án, dự toán mua sắm]

Kính gửi: _____ [người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu³]

[Đơn vị trình] trình [người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm⁴

1. Đối với dự án, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án
- Tổng mức đầu tư⁵
- Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư;
- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

¹ Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22, khoản 23 Điều 1 của Luật số 90/2025/QH15), chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Đối với gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư thì người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Đơn vị trình là đơn vị được giao lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

² Trường hợp đã lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thì cần đảm bảo nội dung của kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Trong trường hợp này, đơn vị trình không cần giải trình, nêu lý do đối với các nội dung phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu; trường hợp các nội dung của kế hoạch lựa chọn nhà thầu khác với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thì chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định mà không phải trình, phê duyệt lại kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

³ Được xác định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22, khoản 23 Điều 1 của Luật số 90/2025/QH15).

⁴ Đối với công việc lập quy hoạch, căn cứ vào nhiệm vụ quy hoạch (nếu có), không căn cứ quyết định phê duyệt dự án.

⁵ Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì thay bằng “dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư”

2. Đối với dự toán mua sắm, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự toán mua sắm như sau:

a) Dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo niên độ ngân sách hoặc dự kiến dự toán ngân sách nhà nước được cấp trong năm ngân sách hoặc dự kiến dự toán ngân sách nhà nước được cấp cho các năm kế tiếp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm; dự kiến nguồn tài chính hợp pháp trong năm tài chính hoặc dự kiến nguồn tài chính hợp pháp cho các năm kế tiếp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm;

b) Giá trị phân công việc mua sắm đã thực hiện trong năm tài chính, năm ngân sách. Không liệt kê phân công việc đã thực hiện tại điểm b này vào Bảng số I Mục III.

c) Phần kinh phí không dùng để mua sắm;

d) Dự toán mua sắm, được xác định bằng kinh phí quy định tại điểm a khoản này trừ kinh phí quy định tại điểm b và điểm c khoản này. Chủ đầu tư không phải thẩm định, phê duyệt dự toán mua sắm.

Trường hợp chủ đầu tư có sẵn kinh phí để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính và không dùng nguồn thu dự kiến trong năm thì không phải xác định dự toán mua sắm theo quy định tại khoản này. Trong trường hợp này, dự toán mua sắm là khoản kinh phí có sẵn dùng để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính. Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dài hơn 01 năm hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực và ngày hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng không cùng một năm tài chính thì nêu rõ dự toán mua sắm của năm ngân sách, năm tài chính và dự kiến dự toán mua sắm của các năm tiếp theo.

Đối với mua sắm tập trung thực hiện trên cơ sở tổng hợp khối lượng mua sắm của các đơn vị có nhu cầu mua sắm hoặc mua sắm theo quy định tại khoản 5 Điều 53 Luật Đấu thầu, dự toán mua sắm được xác định bằng tổng chi phí dự kiến để thực hiện gói thầu mà không cần xác định dự toán mua sắm theo Mục I.2. Đơn vị có nhu cầu mua sắm tự chịu trách nhiệm bảo đảm nguồn vốn để thanh toán cho nhà thầu đối với phần khối lượng hàng hóa, dịch vụ gửi mua sắm tập trung.

Trong phần này cũng nêu rõ tên chủ đầu tư; năm ngân sách, năm tài chính của dự toán mua sắm.

Trường hợp hình thành dự án đầu tư đối với dự toán mua sắm và tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với dự án đầu tư thì tại Mục I (Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm) chỉ cần giới thiệu khái quát thông tin về dự án theo hướng dẫn tại Mục I.1 mà không phải giới thiệu khái quát thông tin về dự toán mua sắm theo hướng dẫn tại Mục I.2. Trong trường hợp này, cần nêu rõ dự án đầu tư

thuộc dự toán mua sắm. Thủ tục trình, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các nội dung trong đấu thầu thực hiện theo quy định như đối với dự án đầu tư.

II. Căn cứ pháp lý

Căn cứ [Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15];

Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ [Ghi số, ngày ban hành và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Đối với dự án nêu căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 38¹ của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023];

- Đối với dự toán mua sắm nêu căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023].

III. Phần công việc đã thực hiện⁽¹⁾

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu ⁽²⁾	Đơn vị thực hiện ⁽³⁾	Giá trị ⁽⁴⁾	Văn bản phê duyệt ⁽⁵⁾
1				
2				
...				
Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]				

Ghi chú:

(1) Phần công việc đã thực hiện bao gồm nội dung công việc liên quan đến chuẩn bị dự án, các gói thầu, công việc khác đã được thực hiện (gồm cả gói thầu đã được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng chưa lựa chọn được nhà thầu, gói thầu đã lựa chọn nhà thầu nhưng chưa ký hợp đồng, gói thầu đã ký kết và đang thực hiện hợp đồng, gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đã thực hiện) với giá trị tương ứng và văn bản phê duyệt là căn cứ pháp lý để thực hiện.

(2) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.

(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.

(4) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền (ghi theo giá trị thanh lý, nghiệm thu hoặc giá hợp đồng... tùy theo giá trị nào gần nhất với thời điểm trình).

¹ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Luật số 57/2024/QH15

(5) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc, ...).

(6) Đối với dự toán mua sắm, không cần điền nội dung tại Bảng số 1.

IV. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu⁽¹⁾

Bảng số 2

STT	Nội dung công việc ⁽²⁾	Đơn vị thực hiện ⁽³⁾	Giá trị ⁽⁴⁾
1			
2			
...			
Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]			

Ghi chú:

(1) Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu bao gồm: hoạt động của ban quản lý dự án, tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng², trả lãi vay; các công việc do chủ đầu tư tự tiến hành bao gồm lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (nếu có); đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có); các công việc khác không áp dụng được các hình thức lựa chọn nhà thầu với giá trị tương ứng. Phần này bao gồm cả các gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng dự kiến sẽ mua sắm theo quy trình quy định tại khoản 4 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP). Trường hợp gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu mà dự kiến hình thành gói thầu để tổ chức lựa chọn nhà thầu theo các hình thức: đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp, chỉ định thầu, tự thực hiện, tham gia của cộng đồng, lựa chọn nhà thầu theo trường hợp đặc biệt, chào giá trực tuyến, mua sắm trực tuyến thì các gói thầu này thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu tại Mục V. Trường hợp chủ đầu tư chưa dự kiến được gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng có thể phát sinh trong năm tài chính, năm ngân sách thì phần công việc này thuộc phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu tại Mục VI.

(2) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã thực hiện được kê khai tại Bảng 1.

(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

² Đối với nội dung tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng, đối với các công việc mà Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng tự làm (ví dụ: tổ chức họp với người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản; trình duyệt, công khai phương án bồi thường, bàn giao chi phí bồi thường...) thì thuộc phần công việc không áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu ở Mục IV. Đối với các hạng mục công việc phải hình thành gói thầu để thuê tư vấn thực hiện thì ghi vào phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu ở Mục V.

(4) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

V. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu⁽¹⁾:

Bảng số 3

Stt	Tên chủ đầu tư ⁽²⁾	Tên gói thầu ⁽³⁾		Giá gói thầu ⁽⁴⁾	Nguồn vốn ⁽⁵⁾	Hình thức lựa chọn nhà thầu ⁽⁶⁾	Phương thức lựa chọn nhà thầu ⁽⁷⁾	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu ⁽⁸⁾	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu ⁽⁹⁾	Loại hợp đồng ⁽¹⁰⁾	Thời gian thực hiện gói thầu ⁽¹¹⁾	Tùy chọn mua thêm ⁽¹²⁾
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1												
2												
Tổng giá gói thầu [kết chuyển sang Bảng số 5]												

Ghi chú:

(1) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Đơn vị trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu rõ cơ sở của việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu tại Mục V.2 của tờ trình này.

(2) Điền tên chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án.

(3) Ghi tên gói thầu vào cột “Tên gói thầu”; nêu tóm tắt phạm vi công việc chính của gói thầu vào cột “Tóm tắt công việc chính của gói thầu”.

Nội dung, phạm vi công việc của gói thầu phù hợp với nội dung nêu trong quyết định phê duyệt dự án, phù hợp với dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần riêng biệt thì tên của từng phần cần thể hiện nội dung cơ bản của từng phần.

(4) Giá gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

(5) Nguồn vốn thực hiện theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 38, khoản 3 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

(6) Hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 39 của Luật Đấu thầu; việc áp dụng từng hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II Luật Đấu thầu, các khoản từ 12 đến 17 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15; Mục 2 Chương IV, Mục 2, Mục 3 Chương VII Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Đối với mỗi gói thầu, ghi rõ lựa chọn nhà thầu trong nước hay quốc tế; đấu thầu qua mạng hay không qua mạng.

Đối với gói thầu chỉ định thầu quy định tại khoản 3 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trường hợp đề xuất áp dụng quy trình rút gọn thì ghi “chỉ định thầu rút gọn” vào Mục này; trường hợp đề xuất áp dụng quy trình thông thường thì ghi “chỉ định thầu thông thường” vào Mục này.

Đối với chào giá trực tuyến, ghi rõ chào giá trực tuyến thông thường hoặc chào giá trực tuyến rút gọn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 99 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đối với lựa chọn nhà thầu tư vấn cá nhân, ghi rõ lựa chọn tư vấn cá nhân thông thường hoặc lựa chọn tư vấn cá nhân quy trình rút gọn theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

(7) Phương thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18, 19 Điều 1 Luật Đấu thầu số 90/2025/QH15). Trong đó, phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng đối với: Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn; Đấu thầu rộng rãi đối với gói thầu hỗn hợp tổ chức đấu thầu quốc tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Luật Đấu thầu, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15); Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu mua thuốc, vật tư y tế, thiết bị y tế; đấu thầu rộng rãi gói thầu có yêu cầu sử dụng công nghệ hoặc sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao theo quy định tại khoản 1a Điều 31 Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 19 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15).

Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn, tự thực hiện, tham gia thực hiện của cộng đồng, đàm phán giá, chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn, mua sắm trực tuyến, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt thì không ghi nội dung này.

(8) Ghi tổng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu (là số ngày tối đa tính từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả thời gian thẩm định (nếu có). Trường hợp cần thiết, có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thời gian thẩm định (nếu có) vào mục này.

Trường hợp gói thầu có lựa chọn danh sách ngắn thì thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu bao gồm cả thời gian lựa chọn danh sách ngắn tính từ ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm đến khi có kết quả lựa chọn danh sách ngắn (có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, thời gian thẩm định (nếu có)).

Đối với trường hợp xử lý tình huống theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và trường hợp hủy thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 17³ của Luật Đấu thầu, không phải điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

(9) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

(10) Loại hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu máy đặt, máy mượn, chỉ áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh hoặc kết hợp hợp đồng theo đơn giá cố định và hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

(11) Thời gian thực hiện gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

Thời gian thực hiện gói thầu cần phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì quy định cụ thể thời gian thực hiện gói thầu cho từng phần.

Đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung, thời gian thực hiện gói thầu căn cứ theo thỏa thuận khung.

(12) Tùy chọn mua thêm chỉ áp dụng đối với gói thầu đấu thầu rộng rãi, đàm phán giá và thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Trường hợp áp dụng tùy chọn mua thêm thì ghi rõ khối lượng, số lượng có thể mua bổ sung theo tỷ lệ phần trăm so với khối lượng tương ứng của hợp đồng nhưng bảo đảm không vượt 30%; nêu giá trị ước tính tương ứng. Trường hợp không áp dụng tùy chọn mua thêm thì ghi “không áp dụng”.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp áp dụng tùy chọn mua thêm, chủ đầu tư phê duyệt dự toán riêng cho tùy chọn mua thêm làm căn cứ thực hiện mua thêm. Đối với gói thầu chia làm nhiều phần, mỗi phần đều được chọn áp dụng tùy chọn mua thêm không vượt quá tỷ lệ phần trăm ghi tại kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Dự toán cho tùy chọn mua thêm có thể phê duyệt theo từng phần hoặc phê duyệt chung cho các phần.

Đối với gói thầu máy đặt, máy mượn, khuyến nghị chủ đầu tư xem xét, áp dụng tùy chọn mua thêm.

Chủ đầu tư quyết định áp dụng hoặc không áp dụng việc gói thầu có giá gói thầu dưới 500 triệu đồng đối với dự toán mua sắm chỉ cho phép nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực được tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp chủ đầu tư quyết định áp dụng mà không có nhà thầu tham dự hoặc không có nhà thầu đáp

³ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Luật số 57/2024/QH15, khoản 11 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15,

ứng yêu cầu thì tổ chức đấu thầu lại và cho phép các loại hình nhà thầu khác được tham dự thầu. Việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp này căn cứ ghi chú (6).

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: [giải trình cơ sở phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu. Việc phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, dự toán mua sắm, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, dự toán mua sắm, không được chia công việc của dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, dự toán mua sắm năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

Việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu];

Việc phân chia thành các gói thầu EPC, EP, EC, PC phải đảm bảo phù hợp với pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có), đồng thời đảm bảo quy định tại Điều 37 của Luật Đấu thầu, không được phân chia thành các gói thầu này nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu theo quy định tại điểm 1 khoản 6 Điều 16 Luật Đấu thầu.

b) Giá gói thầu;

c) Nguồn vốn;

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;

đ) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu;

e) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;

g) Loại hợp đồng;

h) Thời gian thực hiện gói thầu;

i) Tùy chọn mua thêm (nếu có);

VI. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Trường hợp tại thời điểm lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án, dự toán mua sắm có những phần công việc chưa đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì cần nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này tại Bảng số 4.

Bảng số 4

STT	Nội dung	Giá trị
1		
2		
3		
...		
Tổng giá trị [kết chuyển sang Bảng số 5]		

VII. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		
Tổng mức đầu tư của dự án, dự toán mua sắm hoặc dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		[ghi giá trị]

VIII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, [đơn vị trình] đề nghị [người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: [ghi tên dự án, dự toán mua sắm].

Kính trình [người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu] xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ TRÌNH
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

DANH MỤC TÀI LIỆU*(Kèm theo Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu)*

STT	Nội dung	Ghi chú
I	Đối với dự án	
1	<i>Quyết định phê duyệt dự án và tài liệu có liên quan, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án; quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và tài liệu có liên quan đối với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư;</i>	<i>Bản chụp</i>
2	<i>Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)</i>	<i>Bản chụp</i>
3	<i>Tài liệu về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công</i>	<i>Bản chụp</i>
4	<i>Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án đối với các dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023.</i>	<i>Bản chụp</i>
5	<i>Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay về vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi nước ngoài, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023.</i>	<i>Bản chụp</i>
6	<i>Văn bản pháp lý có liên quan</i>	
II	Đối với dự toán mua sắm	
1	<i>Tài liệu về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (nếu có)</i>	<i>Bản chụp</i>
3	<i>Văn bản pháp lý có liên quan</i>	

Mẫu số 02B. Mẫu Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

**[CƠ QUAN CỦA NGƯỜI
PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH
LỰA CHỌN NHÀ THẦU]**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
dự án, dự toán mua sắm: _____ *[ghi tên dự án, dự toán mua sắm]*

_____**[NGƯỜI PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU]**⁴

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ _____ *[căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];*

Theo đề nghị của _____ *[đơn vị trình]* tại tờ trình số _____ *[ghi số hiệu tờ trình]* ngày _____ *[ghi ngày văn bản]* về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm _____ *[ghi tên dự án, dự toán mua sắm]*,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: _____ *[ghi tên dự án, dự toán mua sắm]* với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *[Người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao trách nhiệm lựa chọn nhà thầu]* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**[NGƯỜI PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH LỰA
CHỌN NHÀ THẦU]**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Người có thẩm quyền;
- Lưu VT.

⁴ Được xác định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22, khoản 23 Điều 1 của Luật số 90/2025/QH15).

[illegible]

PHỤ LỤC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC
ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Phụ lục 1A: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt E-HSMT/hồ sơ mời thầu của Tổ chuyên gia

Phụ lục 1B: Mẫu Quyết định phê duyệt E-HSMT/hồ sơ mời thầu (webform trên Hệ thống)

Phụ lục 2: Mẫu Quyết định phê duyệt danh sách ngăn đối với gói thầu đấu thầu qua mạng có áp dụng sơ tuyển, mời quan tâm

Phụ lục 3: Mẫu Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ

Phụ lục 4A: Mẫu Biên bản đối chiếu tài liệu (đối với tất cả các gói thầu)

Phụ lục 4B: Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, phi tư vấn, EPC, EP, EC, PC)

Phụ lục 4C: Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn)

Phụ lục 5: Mẫu Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với đấu thầu qua mạng (webform trên hệ thống)

Phụ lục 6: Mẫu Bản cam kết

Phụ lục 7: Mẫu thông tin văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu

Phụ lục 8: Mẫu thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại Việt Nam

Phụ lục 9: Mẫu thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu

Phụ lục 1A

[TÊN TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ]¹
TỔ CHUYÊN GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH²

V/v đề nghị phê duyệt E-HSMT/hồ sơ mời thầu³
gói thầu [Ghi tên gói thầu]
thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu... [Ghi tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu]
thuộc dự án/dự toán mua sắm.....[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

Kính gửi: [Ghi tên Chủ đầu tư]

Tổ chuyên gia trình [Ghi tên Chủ đầu tư] xem xét, phê duyệt E-HSMT/hồ sơ mời thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN**1. Căn cứ pháp lý**

- Quyết định số _____ [Ghi số, ngày, người phê duyệt] về việc phê duyệt _____ [Ghi tên kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu đối với dự án, nếu có];
- Quyết định số _____ [Ghi số, ngày, người phê duyệt] về việc phê duyệt _____ [Ghi tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu];
- Các căn cứ khác: [Ghi căn cứ khác theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP]

2. Nội dung gói thầu

Theo KHLCNT, điền các nội dung liên quan đến gói thầu như sau:

- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu;
- Nguồn vốn;
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu;

¹ Ghi tên Chủ đầu tư trong trường hợp Tổ chuyên gia do Chủ đầu tư thành lập ghi tên đơn vị tư vấn trong trường hợp Chủ đầu tư thuê tư vấn lập E-HSMT/hồ sơ mời thầu

² Tổ chuyên gia đính kèm tờ trình này khi trình E-HSMT/hồ sơ mời thầu để chủ đầu tư phê duyệt trên Hệ thống.

³ Đối với tờ trình phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm thì thay thế “hồ sơ mời thầu” bằng “hồ sơ mời quan tâm” hoặc “hồ sơ mời sơ tuyển” trong Mẫu này.

- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Tùy chọn mua thêm (nếu có).

3. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được [Ghi tên Chủ đầu tư/đơn vị tư vấn đấu thầu] thành lập theo Quyết định số [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện lập E-HSMT/hồ sơ mời thầu gói thầu [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm [ghi tên dự án, dự toán mua sắm].

Trường hợp Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn đấu thầu lập E-HSMT/hồ sơ mời thầu thì bổ sung nội dung sau:

Căn cứ hợp đồng số [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa [Ghi tên Chủ đầu tư] và _____ [Ghi tên đơn vị tư vấn đấu thầu] về việc thuê tư vấn lập E-HSMT/hồ sơ mời thầu gói thầu [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm [Ghi tên gói thầu].

b) Thành phần tổ chuyên gia:

Số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia được nêu tại **Bảng số 01**.

Bảng số 01

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong tờ trình này.

II. NỘI DUNG E-HSMT/hồ sơ mời thầu

1. Nội dung của E-HSMT/hồ sơ mời thầu

[E-HSMT/hồ sơ mời thầu được đính kèm tờ trình này. Tổ chuyên gia nêu tóm tắt các thông tin của E-HSMT/hồ sơ mời thầu, trong đó bao gồm các nội dung cần báo cáo chủ đầu tư và lý do đưa ra các quy định này.]

2. Ý kiến bảo lưu của thành viên tổ chuyên gia (nếu có)⁴

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung E-HSMT/hồ sơ mời thầu, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

Stt	Nội dung E-HSMT/hồ sơ mời thầu	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung đã thống nhất và kiến nghị chủ đầu tư xem xét, phê duyệt E-HSMT/hồ sơ mời thầu, trong đó nêu rõ các nội dung cần lưu ý trong quá trình xem xét, phê duyệt E-HSMT/hồ sơ mời thầu (nếu có).

Tờ trình này được lập tại:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

⁴ Trường hợp không có thành viên nào của tổ chuyên gia bảo lưu ý kiến thì ghi: Không có.

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH¹

V/v phê duyệt E-HSMT/hồ sơ mời thầu²

gói thầu [Chủ đầu tư ghi tên gói thầu]

thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu... [Chủ đầu tư ghi tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm.....[Chủ đầu tư ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

[ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ]

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ tờ trình ngày _____ [chủ đầu tư ghi ngày, tháng, năm] của Tổ chuyên gia về việc phê duyệt E-HSMT/hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [chủ đầu tư ghi tên gói thầu];

Căn cứ báo cáo thẩm định (nếu có)³ ngày _____ [chủ đầu tư ghi ngày, tháng, năm và đính kèm báo cáo thẩm định] của _____ [chủ đầu tư ghi tên đơn vị thẩm định] về việc thẩm định E-HSMT/hồ sơ mời thầu gói thầu _____ chủ đầu tư ghi tên gói thầu];

Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu, chủ đầu tư điền các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt E-HSMT/hồ sơ mời thầu gói thầu: _____ [Chủ đầu tư ghi tên gói thầu] với nội dung theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao [điền đơn vị được giao] chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

¹ Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành Quyết định được Hệ thống tự động điền khi Chủ đầu tư ký số Quyết định.

² Đối với quyết định phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm thì hệ thống thay thế “hồ sơ mời thầu” bằng “hồ sơ mời quan tâm” hoặc “hồ sơ mời sơ tuyển”.

³ Chỉ ghi căn cứ này nếu chủ đầu tư có yêu cầu thẩm định đối với E-HSMT/hồ sơ mời thầu

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *[ghi tên đơn vị được giao]* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

[Ghi rõ họ tên, chức vụ người ký]

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT.

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**QUYẾT ĐỊNH¹****Về việc phê duyệt danh sách ngắn đối với gói thầu đấu thầu qua mạng****áp dụng sơ tuyển, mời quan tâm**

gói thầu... [Chủ đầu tư ghi tên gói thầu] **thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu...**
[Chủ đầu tư ghi tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu] thuộc dự án/dự toán mua
sắm.....[Chủ đầu tư ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

[ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ]

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ _____ [Nêu các căn cứ pháp lý như: Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Quyết định phê duyệt E-HSMST, E-HSMQT, Báo cáo đánh giá E-HSDST, E-HSQT của Tổ chuyên gia; Báo cáo thẩm định kết quả sơ tuyển, mời quan tâm của tổ thẩm định (nếu có), các văn bản khác có liên quan...];

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn danh sách ngắn của gói thầu [Chủ đầu tư ghi tên gói thầu] thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu [Chủ đầu tư ghi tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu], bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMST, E-TBMQT: _____ [Ghi số thông báo trên Hệ thống]
- Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có): _____ [Ghi giá gói thầu/dự toán]
- Tên Chủ đầu tư: _____ [Ghi tên Chủ đầu tư]
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: _____ [Ghi hình thức lựa chọn nhà thầu]

¹ Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành Quyết định được Hệ thống tự động điền khi Chủ đầu tư ký số Quyết định

- Loại hợp đồng: _____ [Ghi loại hợp đồng]

- Thời gian thực hiện gói thầu: _____ [Ghi thời gian thực hiện]

2. Thông tin về kết quả lựa chọn danh sách ngắn

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Kết quả lựa chọn danh sách ngắn	Lý do nhà thầu không có tên trong danh sách ngắn
1	[Điền tên nhà thầu]	[Điền mã số thuế]	[Ghi kết quả đạt hoặc không đạt]	[Điền lý do]
2				
3				

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao _____ [ghi tên đơn vị được giao] căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. _____ [ghi tên đơn vị được giao] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- (....)

- Lưu: VT, TCG (....).

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

[Ghi rõ họ tên, chức vụ người ký]

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**QUYẾT ĐỊNH¹**

Về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu... [Chủ đầu tư ghi tên gói thầu] thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu...
[Chủ đầu tư ghi tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm.....[Chủ đầu tư ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

[ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ]

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ _____ [Nêu các căn cứ pháp lý khác như: Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Quyết định phê duyệt E-HSMT, Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật của Tổ chuyên gia...];

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu _____ [Ghi tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [ghi tên dự án, dự toán mua sắm] bao gồm:

[Ghi tên đầy đủ của nhà thầu. Trường hợp áp dụng phương pháp chấm điểm phải ghi rõ số điểm và xếp hạng nhà thầu theo thứ tự từ cao xuống thấp]

Điều 2. Giao _____ [ghi tên đơn vị được giao] chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. _____ [ghi tên đơn vị được giao] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- (....)
- Lưu: VT, TCG (....).

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
(Ghi rõ họ tên, chức vụ người ký)

¹ Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành Quyết định được Hệ thống tự động điền khi Chủ đầu tư ký số Quyết định.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU TÀI LIỆU

Gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu]

Số: ____ / ____

1. Tên nhà thầu được đối chiếu tài liệu: [ghi tên nhà thầu được đối chiếu tài liệu]

Đại diện nhà thầu được đối chiếu tài liệu là ông/bà: _____ [ghi tên nhân sự của nhà thầu tham gia đối chiếu tài liệu (theo giấy giới thiệu của nhà thầu hoặc giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu)].

2. Tên cá nhân được phân công đối chiếu tài liệu:

Ông/Bà: _____ [ghi tên nhân sự của chủ đầu tư tham gia đối chiếu tài liệu].

Ông/Bà: _____ [ghi tên nhân sự của Tổ chuyên gia tham gia đối chiếu tài liệu (nếu có)].

3. Kết quả đối chiếu tài liệu:

a) Thông tin về tính hợp lệ của E-HSDT:

(ghi rõ "thống nhất" hay "không thống nhất")

Các nội dung không thống nhất: [ghi cụ thể từng nội dung không thống nhất giữa thông tin cam kết, kê khai trong E-HSDT với tài liệu nhà thầu cung cấp theo bảng dưới đây].

Nội dung không thống nhất	Cam kết, kê khai trong E-HSDT	Tài liệu của nhà thầu

b) Thông tin về năng lực, kinh nghiệm:

(ghi rõ "thống nhất" hay "không thống nhất")

Các nội dung không thống nhất: [ghi cụ thể từng nội dung không thống nhất giữa thông tin kê khai của nhà thầu với tài liệu nhà thầu cung cấp theo bảng dưới đây].

Nội dung không thống nhất	Kê khai trong E-HSDT	Tài liệu của nhà thầu

4. Kết luận về việc đối chiếu tài liệu:

(chọn một trong hai kết luận dưới đây)

☐ Thống nhất với thông tin kê khai, được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu có).

☐ Không thống nhất với thông tin kê khai.

Ý kiến khác (nếu có):.....

(Trường hợp kết luận về việc đối chiếu tài liệu là không thống nhất với thông tin kê khai thì Chủ đầu tư phải có ý kiến yêu cầu tổ chuyên gia đánh giá lại đối với nhà thầu này.)

Đại diện các bên tham gia đối chiếu tài liệu:

1. Đại diện chủ đầu tư (ký, ghi rõ họ tên): _____

2. Đại diện nhà thầu (ký, ghi rõ họ tên): _____

3. Đại diện tổ chuyên gia (nếu có): _____

Ghi chú:

(1) Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phải lưu trữ tài liệu của nhà thầu để phục vụ công tác thẩm định, thanh tra, kiểm tra...

(2) Đại diện nhà thầu được mời đến đối chiếu tài liệu phải có giấy giới thiệu của nhà thầu hoặc giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

(đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, phi tư vấn, EPC, EP, EC, PC)

Gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu]

Số: ____ / ____

Căn cứ pháp lý: [nêu các căn cứ pháp lý liên quan đến gói thầu như: Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; Nghị định.../2025-NĐ-CP và văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; văn bản phê duyệt dự án, KHLCNT; các văn bản liên quan đến gói thầu...].

Hôm nay, ngày ____ / ____ / ____ tại địa chỉ: _____, chúng tôi, đại diện cho các bên thương thảo hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư: _____ [ghi tên Chủ đầu tư]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Nhà thầu: _____ [ghi tên nhà thầu]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Hai bên đã thương thảo⁽¹⁾ và thống nhất những nội dung trong hợp đồng như sau:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong E-HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế tại Mục 12.1 E-BDL;

c) Nhõn s□ ch□ ch□t;

d) Các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

đ) Thương thảo về giá trong trường hợp giá đề nghị trúng thầu vượt giá gói thầu được duyệt đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu theo quy định tại Điều 61 của Luật Đấu thầu;

e) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng;

g) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Việc thương thảo hợp đồng kết thúc vào _____ ngày ____/____/____. Biên bản thương thảo hợp đồng được lập thành _____ bản, Chủ đầu tư giữ _____ bản, nhà thầu giữ _____ bản, các biên bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nguyên tắc thương thảo hợp đồng phải tuân thủ theo quy định trong E-HSMT, Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

(đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn)

Gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu]

Số: ____ / ____

Căn cứ pháp lý: [nêu các căn cứ pháp lý liên quan đến gói thầu như: Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; Nghị định.../2025/NĐ-CP; văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; văn bản phê duyệt dự án, KHLCNT; các văn bản liên quan đến gói thầu....]

Hôm nay, ngày ____ / ____ / ____ tại địa chỉ: _____, chúng tôi, đại diện cho các bên thương thảo hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư: _____ [ghi tên Chủ đầu tư]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Nhà thầu: _____ [ghi tên nhà thầu]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Hai bên đã thương thảo⁽¹⁾ và thống nhất những nội dung trong hợp đồng như sau:

a) Thảo luận về điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả dịch vụ” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;

b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;

c) Tiến độ;

d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);

đ) Bố trí điều kiện làm việc;

e) Chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;

g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

h) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong E-HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong E-HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế;

i) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Việc thương thảo hợp đồng kết thúc vào ____ ngày ____ / ____ / _____. Biên bản thương thảo hợp đồng được lập thành ____ bản, chủ đầu tư giữ ____ bản, nhà thầu giữ ____ bản, các biên bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nguyên tắc thương thảo hợp đồng phải tuân thủ theo quy định trong E-HSMT, Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**QUYẾT ĐỊNH¹**

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng
gói thầu... [Chủ đầu tư ghi tên gói thầu] thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu...
[Chủ đầu tư ghi tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu] thuộc dự án/dự toán mua
sắm.....[Chủ đầu tư ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

[ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ]

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 (sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025;

[Nêu các căn cứ pháp lý như: Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Quyết định phê duyệt E-HSMT, Báo cáo đánh giá E-HSDT của Tổ chuyên gia; Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của tổ thẩm định, các văn bản khác có liên quan...]

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu _____ [Chủ đầu tư ghi tên gói thầu] thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu [Chủ đầu tư ghi tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu], bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: _____ [Ghi số]
- Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có): _____ [Ghi giá gói thầu hoặc dự toán]
- Tên Chủ đầu tư: _____ [Ghi tên Chủ đầu tư]
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: _____ [Ghi hình thức lựa chọn nhà thầu]
- Loại hợp đồng: _____ [Ghi loại hợp đồng]

¹ Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành Quyết định được Hệ thống tự động điền khi Chủ đầu tư ký số Quyết định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: _____ [Ghi thời gian thực hiện]

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
	[Điền tên nhà thầu]	[Điền mã số thuế]	[Điền giá dự thầu]	[Điền giá dự thầu sau hiệu chỉnh (nếu có)]	[Điền điểm Kỹ thuật (nếu có)]	[Điền giá đánh giá (nếu có)]	[Chủ đầu tư điền thông tin]	[Chủ đầu tư điền thông tin]	[Chủ đầu tư điền thông tin]	[Chủ đầu tư điền thông tin]

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	[Điền tên nhà thầu]	[Điền mã số thuế]	[Điền phần/lô nhà thầu tham dự]	[Điền lý do]
2				
...				

4. Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu¹:

- Trường hợp gói thầu không áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp: Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu được nêu tại Bảng số 01

¹ Chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, gói thầu EPC, PC, EP. Trường hợp thông tin về hàng hóa trúng thầu khác so với thông tin trích xuất, chủ đầu tư chỉnh sửa trên cơ sở ý kiến giải trình của tổ chuyên gia.

- Trường hợp gói thầu lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp: Danh mục hàng hóa trúng thầu được nêu tại Bảng số 02

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao[ghi tên đơn vị được giao] căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.[ghi tên đơn vị được giao] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- (....)
- Lưu: VT, TCG (....).

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

[Ghi rõ họ tên, chức vụ người ký]

Bảng số 01 (webform)**THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA, THIẾT BỊ TRÚNG THẦU¹**

*(Đính kèm cùng quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng
Trường hợp gói thầu không áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp)*

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu

¹ Hệ thống trích xuất các thông tin có liên quan từ E-HSĐT của nhà thầu, bao gồm: Giá dự thầu, giá dự thầu sau sửa hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giảm giá (nếu có), điểm kỹ thuật, giá đánh giá (nếu có).

- Trường hợp thông tin về hàng hóa trúng thầu khác so với thông tin trích xuất, chủ đầu tư chỉnh sửa trên cơ sở ý kiến giải trình của tổ chuyên gia.

Bảng số 02 (webform)**THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA, THIẾT BỊ TRÚNG THẦU²**

*(Đính kèm cùng quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng
Trường hợp gói thầu áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp)*

STT (1)	Tên hàng hóa (2)	Đơn vị tính (3)	Khối lượng mời thầu (4)	Tên nhà thầu trúng thầu (5)	Khối lượng trúng thầu (6)	Đơn giá trúng thầu (7)	Ký mã hiệu (8)	Nhãn hiệu (9)	Năm sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Hãng sản xuất (12)	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản (13)	Mã HS (14)
Hàng hóa 1				Nhà thầu 1									
				Nhà thầu 2									
													
Hàng hóa 2													

² Hệ thống trích xuất thông tin từ cột 1 đến cột 4 từ biểu mẫu mời thầu; chủ đầu tư chọn tên nhà thầu tại cột 5; Chủ đầu tư nhập số lượng trúng thầu vào cột 6; Hệ thống trích xuất thông tin từ Bảng đề xuất hàng hóa dự thầu thuộc E-HSDT của nhà thầu vào cột 7 đến cột 14.

- Trường hợp thông tin về hàng hóa trúng thầu khác so với thông tin trích xuất, chủ đầu tư chỉnh sửa trên cơ sở ý kiến giải trình của tổ chuyên gia.

BẢN CAM KẾT

Tôi tên là: _____

Số Căn cước/CCCD/Hộ chiếu:

Là thành viên của tổ chuyên gia đánh giá E-HSĐT/hồ sơ dự thầu gói thầu _____ theo Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____ *[ghi tên đơn vị ban hành quyết định]*. Tôi được cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu số: _____ do _____ *[ghi tên đơn vị cấp chứng chỉ]* cấp tại _____ ⁽¹⁾.

Tôi cam kết như sau:

- Được đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành, có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp và có năng lực, kinh nghiệm để đánh giá E-HSĐT đối với gói thầu đang xét;

- Đánh giá E-HSĐT trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá E-HSĐT của mình;

- Bảo mật các thông tin và hồ sơ, tài liệu trong quá trình đánh giá E-HSĐT theo đúng quy định của pháp luật;

- Không vi phạm các quy định về bảo đảm cạnh tranh.

Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người cam kết

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp thuộc đối tượng có chứng chỉ đấu thầu cơ bản thì nội dung này ghi thông tin về số chứng chỉ cơ bản, đơn vị cấp, ngày cấp. Trường hợp có chứng chỉ hành nghề đấu thầu thì ghi thông tin về số chứng chỉ hành nghề đấu thầu, ngày cấp. Trước 01/01/2026, trường hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo quy định của Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT thì ghi thông tin về số chứng chỉ, đơn vị cấp, ngày cấp chứng chỉ này.

MẪU THÔNG TIN
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU THẦU

Kính gửi: Cục Quản lý đấu thầu - Bộ Tài chính

1. Tên đơn vị: *[ghi tên đơn vị đăng tải]*
2. Số văn bản: *[ghi số của văn bản quy phạm pháp luật]*
3. Cơ quan ban hành:
4. Người ký:
5. Loại văn bản:
6. Ngày ban hành: Ngày hiệu lực.....
7. Tình trạng hiệu lực:

....., ngày tháng năm.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

** Ghi chú: Yêu cầu gửi kèm theo văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu (bản cứng và file mềm. File mềm gửi về địa chỉ hoptacquocte.qldt@mof.gov.vn).*

Phụ lục 8 (webform)

**MẪU THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU
NƯỚC NGOÀI TRÚNG THẦU TẠI VIỆT NAM⁽¹⁾**

1. Thông tin chung

- Tên hợp đồng:.....
- Tên nhà thầu trúng thầu:.....

2. Địa chỉ đăng ký thành lập tại nước hoặc vùng lãnh thổ nơi nhà thầu đang hoạt động

- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....Fax:.....
- Email:.....Website:.....

3. Chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có)

- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....Fax:.....
- Email:.....Website:.....

4. Thông tin gói thầu

- Thời gian thực hiện gói thầu/dự án:
từ.....đến:.....
- Tổng số cán bộ, chuyên gia Việt Nam:..... người
- Tổng số cán bộ, chuyên gia nước ngoài:.....người
- Giám đốc dự án:.....
- Cố vấn trưởng:.....
- Đội trưởng dự án:.....
- Tên ngày tháng năm sinh, số hộ chiếu của cán bộ chủ chốt thực hiện gói thầu:
.....
.....

Ghi chú:

(1) Chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu.

MẪU THÔNG TIN
XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU THẦU⁽¹⁾

A. Thông tin chung:

- Chủ đầu tư: _____ [*hệ thống trích xuất*]
- Tên cơ quan ban hành Quyết định: _____ [*chủ đầu tư nhập thông tin*]
- Số quyết định:
- Ngày ban hành Quyết định:

B. Thông tin tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm:

- Tên tổ chức, cá nhân vi phạm: _____ [*chủ đầu tư nhập thông tin*]
- Địa chỉ: _____ [*chủ đầu tư nhập thông tin*]
- Chủ thể vi phạm: _____ [*chủ đầu tư nhập thông tin*]
- Ngày hiệu lực thi hành: _____ [*chủ đầu tư nhập thông tin*]
- Thời gian cấm: _____ [*chủ đầu tư nhập thông tin*]
- Mã dự án/gói thầu: _____ [*chủ đầu tư nhập thông tin*]
- Hình thức xử lý vi phạm:
 - Xử lý hành chính ☐
 - Chấm dứt hợp đồng
 - Cấm tham gia hoạt động đấu thầu (*ghi thời gian, phạm vi cấm*) ☐
 - Khóa tài khoản (*ghi thời gian, phạm vi khóa*)
 - Hình thức khác (*Ghi hình thức*) ☐
- Nội dung xử lý vi phạm: _____ [*chủ đầu tư nhập thông tin*]
- Lý do vi phạm: _____ [*chủ đầu tư nhập thông tin*]
- Phạm vi cấm: _____ [*chủ đầu tư nhập thông tin*]

Ghi chú:

(1) Quyết định xử lý vi phạm được đính kèm Thông báo này.

Chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải thông tin xử lý vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu.

SỞ Y TẾ...
BỆNH VIỆN

Mẫu biểu số 1.03

DỰ TOÁN THU, CHI GIAI ĐOẠN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm.... (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm....(năm kế hoạch)	Dự toán năm....	Dự toán năm....
			Dự toán	Ước thực hiện			
A	B	1	2	3	4		
I	Tổng nguồn tài chính của đơn vị (1+2+3+4)						
1	Thu sự nghiệp, dịch vụ						
1.1	Từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá						
	Trong đó: Phần thu tăng thêm do thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định						
1.2	Từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật						
1.3	Kinh phí nhà nước đặt hàng (3)						
2	Nguồn thu phí được để lại						
3	Nguồn ngân sách nhà nước						
3.1	Ngân sách trong nước						
-	Kinh phí thực hiện các chính sách của Nhà nước; nhiệm vụ được Nhà nước giao (chi tiết từng chính sách, nhiệm vụ)						
-	Các nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí thực hiện chương trình, dự án, đề án; kinh phí đối ứng các dự án ODA theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;...)						
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật						
4	Nguồn thu hợp pháp khác						
II	Sử dụng nguồn tài chính của						

	Đơn vị						
1	Chỉ từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ						
1.1	Chi tiền lương						
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý						
1.3	Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định						
1.4	Chi đầu tư phát triển theo quy định						
1.5	Chi khác theo quy định						
1.6	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định						
2	Chỉ từ nguồn thu phí được để lại						
2.1	Kinh phí thường xuyên						
2.2	Kinh phí không thường xuyên						
3	Chỉ từ nguồn ngân sách nhà nước						
3.1	Ngân sách trong nước						
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật						
4	Chỉ từ nguồn thu hợp pháp khác						

Người lập

....., ngày... tháng... năm
 Trưởng phòng Tài chính – Kế toán

**SỞ Y TẾ ...
BỆNH VIỆN ..**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm 202...

PHIẾU BÁO HỎNG ĐỀ NGHỊ SỬA CHỮA TÀI SẢN

Kính gửi: - Ban Lãnh đạo Bệnh viện

- Phòng:.....

1. Khoa/phòng đề nghị sửa chữa máy móc, thiết bị

- Họ và tên người đề nghị:
- Bộ phận khoa/phòng:
- Chức vụ:.....

2. Nội dung đề sửa chữa máy móc, thiết bị

- Tên máy móc, thiết bị cần sửa chữa:.....
- Tình trạng hư hỏng của thiết bị :
- Việc sửa chữa là cấp bách:.....
- Xác định việc sửa chữa tài sản cần thiết cho việc sử dụng tiếp theo:.....
- Duy trì hoạt động :.....
- Số lượng dự kiến tài sản cần sửa chữa :.....(Đơn vị tính:.....)

..., ngày.....tháng năm 202

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký ghi rõ họ, tên)

LÃNH ĐẠO KHOA/PHÒNG SỬ DỤNG
(Ký ghi rõ họ, tên)

BỆNH VIỆN ...
PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
TÌNH TRẠNG HƯ HỎNG CỦA THIẾT BỊ**

Hôm nay, ngày tháng năm 2021, tại..... chúng tôi thực hiện
việc kiểm tra đánh giá hiện trạng chất lượng thiết bị:.....

.....
Thành phần tham gia gồm:

1- ĐẠI DIỆN KHOA, PHÒNG :

.....
- Ông, Bà : - Chức vụ :

.....
2- ĐẠI DIỆN:

- Ông : - Chức vụ : Nhân viên kỹ thuật

*** Kết quả kiểm tra :**

.....
*** Hướng khắc phục :**

.....
Biên bản này lập thành 03 bản và lưu tại phòng 01 bản , 01 bản tại
các khoa phòng, 01 bản làm các thủ tục thanh quyết toán tài chính.

ĐẠI DIỆN KHOA/PHÒNG SỬ DỤNG TS ĐẠI DIỆN KHOA/PHÒNG QUẢN LÝ T
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

HÀU PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BM 1

MỤC DỰ TRÙ VẬT TƯ Y TẾ-HÓA CHẤT-SINH PHẨM

(Sử dụng cho tháng)

ng Hóa	Thông số kỹ thuật	DVT	Số Lượng	GHI CHÚ

Châu Phú, ngày tháng năm 202....

TRƯỞNG KHOA